

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước (Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Nha Trang) theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 6 năm 2017 và giấy xác nhận số 19487/20 ngày 11/6/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (0258) 3523 863
- Fax : (0258) 3523 863

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Hồ Ngọc Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Tường Trọng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Văn Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Vinh Nghiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Báu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Bà Tạ Thị Trung Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Ông Phạm Vinh Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Ông Lương Hải Thiện	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Ngọc Ân – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2023



Phạm Anh Tuấn

Số: 3.0188/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 12 tháng 8 năm 2022 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nha Trang, ngày 14 tháng 8 năm 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 006594 Quyển số SCT/BS

Ngày 01-12-2023

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG HUỆ - PHẠM TUẤN
CÔNG CHỨNG VIÊN



Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

5 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.154.975.088	99.987.861.659
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.719.470.855	38.142.774.404
1. Tiền	111		3.719.470.855	21.142.774.404
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	17.000.000.000
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	17.500.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.131.111.980	52.639.169.254
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	55.857.006.677	51.574.938.957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	425.555.700	339.155.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.081.281.803	957.806.797
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(232.732.200)	(232.732.200)
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.627.931.570	9.076.531.645
1. Hàng tồn kho	141	V.7	18.627.931.570	9.076.531.645
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		176.460.683	129.386.356
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	176.460.683	18.274.163
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	111.112.193
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.349.034.296	26.522.377.598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.992.361.477	24.892.620.638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.917.404.027	24.811.663.188
Nguyên giá	222		129.035.582.703	126.990.229.703
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.118.178.676)	(102.178.566.515)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	74.957.450	80.957.450
Nguyên giá	228		110.000.000	110.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.042.550)	(29.042.550)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.356.672.819	1.629.756.960
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.356.672.819	1.629.756.960
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		122.504.009.384	126.510.239.257

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		55.025.632.922	55.416.116.757
I. Nợ ngắn hạn	310		47.217.875.712	47.451.662.185
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	23.037.570.903	13.451.225.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.682.711.000	231.482.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.875.685.832	3.059.516.136
4. Phải trả người lao động	314	V.15	11.100.646.472	25.735.839.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.131.552.702	1.981.242.348
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	2.310.601.579	1.780.186.066
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	313.394.724	313.394.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.765.712.500	898.776.500
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
	330		7.807.757.210	7.964.454.572
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	6.710.875.677	6.710.875.677
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	1.096.881.533	1.253.578.895
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.478.376.462	71.094.122.500
Vốn chủ sở hữu	410		67.478.376.462	71.094.122.500
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	5.277.682.500	4.973.939.949
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	2.200.693.962	6.120.182.551
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	6.120.182.551
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.200.693.962	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
I. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		122.504.009.384	126.510.239.257

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

CHỨNG THỰC BÀN SÁP DỰNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực Quyền số SCT/BS
Ngày **01-12-2023**

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

Lương Hải Thiện
Kế toán trưởng

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG HUỆ - PHẠM TUẤN
CÔNG CHỨNG VIÊN

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	99.438.498.569	103.308.769.883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.438.498.569	103.308.769.883
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91.397.457.002	94.915.721.241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.041.041.567	8.393.048.642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	898.460.045	705.105.690
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	48.894.800	59.294.282
Trong đó: chi phí lãi vay	23		48.894.800	59.294.282
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.978.873.281	5.106.213.150
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.911.733.531	3.932.646.900
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.978.545	25.379
12. Chi phí khác	32	VI.7	132.732.181	717.887
13. Lợi nhuận khác	40		(129.753.636)	(692.508)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.781.979.895	3.931.954.392
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	581.285.933	809.845.636
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.200.693.962	3.122.108.756
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	286	406
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	286	406

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

Lương Hải Thiện
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

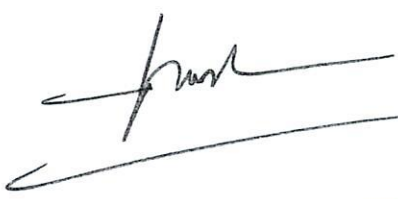
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		103.343.017.760	117.457.500.061
. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(38.796.310.134)	(39.041.446.630)
. Tiền chi trả cho người lao động	03		(59.581.635.018)	(53.019.439.083)
. Tiền lãi vay đã trả	04	V.16, VI.4	(51.997.408)	(62.396.890)
. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(696.762.336)	(423.790.825)
. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.817.028.693	4.540.499.104
. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.889.949.352)	(17.112.954.554)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(11.856.607.795)</i>	<i>12.337.971.183</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.487.486.718)	(1.358.847.460)
. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(17.500.000.000)	-
. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	460.651.826	681.160.485
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(18.526.834.892)</i>	<i>(677.686.975)</i>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(156.697.362)	(156.697.362)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a, 20	(3.883.163.500)	(3.591.274.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.039.860.862)	(3.747.972.062)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(34.423.303.549)	7.912.312.146
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.142.774.404	39.746.193.346
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.719.470.855	47.658.505.492


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập


Lương Hải Thiên
Kế toán trưởng


Hô Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 006550
Quyển số SCT/BS
Ngày 01-12-2023
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG
CÔNG CHỨNG VIÊN


VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
HOÀNG HUỆ -
PHẠM TUẤN
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA


Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không hình thành bộ máy kế toán

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng Kế hoạch – Đầu tư
- Đội Đăng ký, cung cấp dịch vụ Mai táng, hỏa táng
- Xí nghiệp Môi trường:
 - + Đội Môi trường 1
 - + Đội Môi trường 2
 - + Đội Môi trường 3
 - + Đội Môi trường 4
 - + Đội Xe
 - + Đội Kiểm tra
 - + Đội Thu phí
 - + Tổ thu phí đỗ xe ô tô dưới lòng đường
- Xí Nghiệp Cây xanh:
 - + Đội Chăm tưới
 - + Đội Kỹ thuật
 - + Đội Bảo vệ
- Đội Dịch vụ
- Đội Cơ khí
- Đội Vận hành bãi chôn lấp Lương Hòa
- Đội Điện.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 938 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 906 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 8 đến 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	586.194.585	641.669.298
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.133.276.270	20.501.105.106
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	17.000.000.000
Cộng	3.719.470.855	38.142.774.404

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>25.700.000</i>	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	25.700.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>55.831.306.677</i>	<i>51.574.938.957</i>
Ban Quản lý Dịch vụ Công ích thành phố Nha Trang	54.901.199.677	46.909.119.957
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa	-	2.812.749.000
Các khách hàng khác	930.107.000	1.853.070.000
Cộng	55.857.006.677	51.574.938.957

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Công nghệ Miền Trung	121.500.000	61.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn T27	91.233.000	91.233.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Thành Lợi	72.884.000	72.884.000
Các nhà cung cấp khác	139.938.700	113.538.700
Cộng	425.555.700	339.155.700

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	496.027.397	-	58.219.178	-
Tạm ứng	157.306.000	-	224.906.000	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.000.000	-	11.000.000	-
Thuế GTGT tạm thời chưa được khấu trừ	1.416.948.406	-	663.681.619	-
Cộng	2.081.281.803	-	957.806.797	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 505 - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	146.258.000	-	Trên 3 năm	146.258.000	-
Các khách hàng khác - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	31.351.000	-	Trên 3 năm	31.351.000	-
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc - Trả trước cho người bán	Trên 3 năm	55.123.200	-	Trên 3 năm	55.123.200	-
Cộng		232.732.200	-		232.732.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	232.732.200	201.381.200
Số cuối kỳ	232.732.200	201.381.200

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.634.092.369	-	4.802.893.312	-
Công cụ, dụng cụ	205.323.301	-	332.206.241	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.772.701.100	-	3.914.531.092	-
Hàng hóa	15.814.800	-	26.901.000	-
Cộng	18.627.931.570	-	9.076.531.645	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	77.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	80.333.883	18.274.163
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.126.800	-
Cộng	176.460.683	18.274.163

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	890.262.345	942.121.697
Chi phí sửa chữa	466.410.474	687.635.263
Cộng	1.356.672.819	1.629.756.960

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.249.795.781	9.520.345.816	91.133.088.106	87.000.000	126.990.229.703
Mua trong kỳ	-	-	1.237.831.818	-	1.237.831.818
Đầu tư xây dựng hoàn thành	807.521.182	-	-	-	807.521.182
Số cuối kỳ	27.057.316.963	9.520.345.816	92.370.919.924	87.000.000	129.035.582.703
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	11.367.619.533	141.979.816	49.038.005.463	87.000.000	60.634.604.812
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.573.477.629	7.045.049.736	74.473.039.150	87.000.000	102.178.566.515
Khấu hao trong kỳ	708.029.241	651.846.624	2.579.736.296	-	3.939.612.161
Số cuối kỳ	21.281.506.870	7.696.896.360	77.052.775.446	87.000.000	106.118.178.676

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.676.318.152	2.475.296.080	16.660.048.956	-	24.811.663.188
Số cuối kỳ	5.775.810.093	1.823.449.456	15.318.144.478	-	22.917.404.027
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải (đã khấu hao hết) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Nam Trung Bộ (xem thuyết minh số V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	110.000.000	29.042.550	80.957.450
Khấu hao trong kỳ		6.000.000	
Số cuối kỳ	110.000.000	35.042.550	74.957.450

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	1.237.831.818	(1.237.831.818)	-
Xây dựng cơ bản dở dang - Công trình kho lưu trữ hồ sơ công ty 84	-	807.521.182	(807.521.182)	-
Cộng	-	2.045.353.000	(2.045.353.000)	-

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hưng Phú Hải	6.963.036.400	1.165.330.000
Công ty TNHH Hưng Lan	5.403.404.904	1.935.975.457
Trần Thị Khiêm	697.560.000	1.478.123.728
Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hoà	-	2.117.149.000
Các nhà cung cấp khác	9.973.569.599	6.754.646.853
Cộng	23.037.570.903	13.451.225.038

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa	3.394.820.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Quang	131.894.000	131.894.000
Các khách hàng khác	155.997.000	99.588.000
Cộng	3.682.711.000	231.482.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thuế được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.661.020.075	-	5.392.157.566	(5.488.538.301)	-	2.564.639.340	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	322.797.061	-	581.285.933	(696.762.336)	-	207.320.658	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	111.112.193	460.111.793	(448.762.000)	115.971.923	16.209.523	-
Thuế tài nguyên	7.488.000	-	30.020.615	(27.558.000)	-	9.950.615	-
Tiền thuê đất	-	-	1.304.174.152	(1.304.174.152)	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	68.211.000	-	427.809.696	(418.455.000)	-	77.565.696	-
Cộng	3.059.516.136	111.112.193	8.200.559.755	(8.389.249.789)	115.971.923	2.875.685.832	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Duy trì vườn cây, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ mai táng, hỏa táng Không chịu thuế
- Xây mộ, dịch vụ công cộng về vệ sinh, thi công các công trình khác: điện, cây xanh,... 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.781.979.895	3.931.954.392
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	124.449.771	117.273.787
Thu nhập tính thuế	2.906.429.666	4.049.228.179
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	581.285.933	809.845.636

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²)</u>
84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ	812,10	1.296.000
Số 217 đường 2/4, phường Vạn Thạnh	73,2	648.000
180 Ngô Gia Tự - Phước Tiến	110,9	720.000
172 Lê Hồng Phong, phường Phước Hải	672,70	187.200
Bãi chôn lấp rác thải Lương Hoà, nhà hoá táng thôn Lương Hoà, xã Vĩnh Lương	15.216,7	14.364
Bãi để xe, văn phòng Đội Xây dựng Hòn Rớ 1, xã Phước Đồng	1.673,3	26.730
Vườn hoa Vĩnh Diêm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	7.508,0	9.914
Vườn hoa Vĩnh Trung	11.945,00	12.393
Bãi thải xã Vĩnh Lương	3.925,1	3.718
Bãi để xe Vĩnh Lương		
- Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 02/3/2023	9.553,7	2.130
- Từ ngày 03/3/2023 đến ngày 31/12/2023	9.553,7	19.584

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Quý lương còn phải trả cho người lao động và người quản lý.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tiền ăn ca phải trả	444.020.000	451.490.000
Chi phí thuê ngoài xây nghĩa trang	189.580.500	272.057.818
Chi phí bồi dưỡng hiện vật	254.159.176	216.343.872
Chi phí lãi vay	27.923.470	31.026.078
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.215.869.556	1.010.324.580
Cộng	2.131.552.702	1.981.242.348

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	274.028.840	161.946.260
Bảo hiểm xã hội	136.500	136.500
Ban Quản lý dự án về dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang – phải trả về bàn giao 5 xe ép rác	1.094.374.205	1.094.374.205
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	-	115.971.932
Cổ tức phải trả	586.937.760	101.260
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	355.124.274	407.655.909
Cộng	2.310.601.579	1.780.186.066

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.088.233.914	3.088.233.914
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	3.088.233.914	3.088.233.914
- Nhận bàn giao 1 xe đào và 1 xe đầm nén	1.591.753.248	1.591.753.248
- Nhận bàn giao 5 xe ép rác	1.027.430.489	1.027.430.489
- Nhận bàn giao 500 thùng đựng rác	469.050.177	469.050.177
Phải trả tổ chức khác	3.622.641.763	3.622.641.763
Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang - Nhận bàn giao Công nghệ lò mới lò hỏa táng	3.622.641.763	3.622.641.763
Cộng	6.710.875.677	6.710.875.677

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	313.394.724	313.394.724
Cộng	313.394.724	313.394.724

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	313.394.724	313.394.724
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	156.697.362	156.697.362
Số tiền vay đã trả	(156.697.362)	(156.697.362)
Số cuối kỳ	313.394.724	313.394.724

18b. Vay dài hạn

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung Bộ theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty ký ngày 10/10/2011 để đầu tư cho dự án "Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang", thời hạn vay 20 năm, lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	313.394.724	313.394.724
Trên 1 năm đến 5 năm	1.096.881.533	1.253.578.895
Cộng	1.410.276.257	1.566.973.619

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.253.578.895	1.566.973.619
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(156.697.362)	(156.697.362)
Số cuối kỳ	1.096.881.533	1.410.276.257

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Ngân sách thưởng	Thu khác	Chi quỹ trong kỳ	Chi hoàn trả ngân sách	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	592.371.000	918.027.000	825.000.000	6.500.000	(1.028.300.000)	(21.000.000)	1.292.598.000
Quỹ phúc lợi	309.905.500	306.009.000	-	-	(142.800.000)	-	473.114.500
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(3.500.000)	122.404.000	-	-	(118.904.000)	-	-
Cộng	898.776.500	1.346.440.000	825.000.000	6.500.000	(1.290.004.000)	(21.000.000)	1.765.712.500

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	4.369.073.000	6.075.468.949	70.444.541.949
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	3.122.108.756	3.122.108.756
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2021	-	604.866.949	(604.866.949)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(1.215.093.000)	(1.215.093.000)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(121.509.000)	(121.509.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(4.134.000.000)	(4.134.000.000)
Số dư cuối kỳ	60.000.000.000	4.973.939.949	3.122.108.756	68.096.048.705
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	4.973.939.949	6.120.182.551	71.094.122.500
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	2.200.693.962	2.200.693.962
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	-	303.742.551	(303.742.551)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	(1.224.036.000)	(1.224.036.000)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	(122.404.000)	(122.404.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(4.470.000.000)	(4.470.000.000)
Số dư cuối kỳ này	60.000.000.000	5.277.682.500	2.200.693.962	67.478.376.462

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết vốn điều lệ theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	37.010.000.000	37.010.000.000
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân	15.113.000.000	15.113.000.000
Các cổ đông khác	7.877.000.000	7.877.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 4.470.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 303.742.551
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.224.036.000
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	: 122.404.000
Cộng	6.120.182.551

21. Nguồn kinh phí

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Nguồn kinh phí được cấp	434.718.600	268.600.000
Chi sự nghiệp	(434.718.600)	(268.600.000)
Số cuối kỳ	-	-

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ của Công ty là tài sản cố định phục vụ công cộng bao gồm: hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2023, tổng tài sản giữ hộ có nguyên giá là 306.892.337.192 VND, giá trị còn lại là 21.378.978.095 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu vệ sinh môi trường (bao gồm Phước Long + Vĩnh Hiệp)	54.323.319.514	55.672.907.641
Doanh thu duy trì, phát triển cây xanh khu vực Trung tâm và phía Tây thành phố Nha Trang	8.705.201.724	10.221.749.561
Doanh thu duy trì, phát triển cây xanh khu vực phía Nam	2.695.021.366	2.701.124.770
Doanh thu quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	9.038.896.190	12.771.003.928
Doanh thu duy trì điện chiếu sáng công cộng khu vực Trung tâm, phía Tây, phía Nam	7.239.625.205	4.919.096.056
Doanh thu duy trì điện chiếu sáng công cộng khu vực Phía Bắc	2.703.617.514	1.671.557.863
Doanh thu bãi chôn lấp rác Lương Hòa	5.323.722.969	5.878.651.020
Doanh thu bảo vệ bờ biển, nhà vệ sinh ngầm	2.490.825.829	2.294.180.681
Doanh thu vệ sinh môi trường (tự quản)	3.011.269.043	3.006.591.439
Doanh thu xử lý nước rỉ rác Lương Hoà	1.450.077.429	1.510.228.328
Doanh thu thu phí đỗ xe ô tô dưới lòng đường	522.280.000	351.681.000
Doanh thu kinh doanh dịch vụ khác	1.934.641.786	2.309.997.596
Cộng	99.438.498.569	103.308.769.883

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa với số tiền là 140.181.816 VND (kỳ trước là 125.094.275 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vệ sinh môi trường (bao gồm Phước Long + Vĩnh Hiệp)	50.075.419.296	50.892.563.419
Giá vốn duy trì, phát triển cây xanh khu vực Trung Tâm và phía Tây thành phố Nha Trang	8.967.654.713	9.596.726.139
Giá vốn duy trì, phát triển cây xanh khu vực phía Nam	2.179.345.574	2.294.453.418
Giá vốn quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	7.803.207.831	10.733.072.692
Giá vốn duy trì điện chiếu sáng công cộng khu vực Trung Tâm, phía Tây, phía Nam	5.083.209.324	4.527.928.950
Giá vốn duy trì điện chiếu sáng công cộng khu vực phía Bắc	2.313.060.935	1.311.283.805
Giá vốn bãi chôn lấp rác Lương Hòa	6.246.009.225	6.696.935.898
Giá vốn bảo vệ bờ biển, nhà vệ sinh ngầm	2.292.098.767	2.061.782.930
Giá vốn vệ sinh môi trường (tự quản)	2.811.067.580	2.753.929.323
Giá vốn xử lý nước rỉ rác Lương Hoà	1.851.102.196	1.612.475.028
Giá vốn thu phí đỗ xe ô tô dưới lòng đường	437.391.481	469.823.803
Giá vốn kinh doanh dịch vụ khác	1.337.890.080	1.964.745.836
Cộng	91.397.457.002	94.915.721.241

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính
Là lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong kỳ.

4. Chi phí tài chính
Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.819.588.379	2.478.761.991
Chi phí vật liệu quản lý	73.534.291	99.326.917
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.088.656	83.139.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	481.204.133	473.217.371
Thuế, phí và lệ phí	1.306.210.569	549.886.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	879.238.736	993.770.680
Các chi phí khác	396.008.517	428.111.093
Cộng	5.978.873.281	5.106.213.150

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư hư hỏng	2.964.545	-
Thu nhập khác	14.000	25.379
Cộng	2.978.545	25.379

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế	189.412	717.887
Các khoản chi phí khác	132.542.769	-
Cộng	132.732.181	717.887

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200.693.962	3.122.108.756
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(440.138.792)	(624.421.751)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	(44.013.879)	(62.442.175)
Lợi nhuận tính lãi trên cổ phiếu	1.716.541.291	2.435.244.830
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	286	406

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2023 được tính từ lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.274.170.506	26.427.189.126
Chi phí nhân công	55.111.405.933	57.883.843.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.945.612.161	4.021.255.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.507.751.379	9.891.155.487
Chi phí khác	6.395.560.312	5.285.075.953
Cộng	109.234.500.291	103.508.519.454

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát:

Thù lao Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/6/2020	15.000.000	30.000.000
Ông Hồ Ngọc Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02/6/2020	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/6/2023	20.000.000	24.000.000
Ông Trần Văn Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/6/2020	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/6/2020	24.000.000	24.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Võ Tường Trọng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02/6/2020	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/6/2022	-	24.000.000
Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/6/2022	24.000.000	-
Ông Phạm Vinh Nghiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/6/2023	4.000.000	-
Cộng			159.000.000	174.000.000

Thù lao Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 09/6/2023	20.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Báu	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 09/6/2023	4.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/6/2020	18.000.000	18.000.000
Bà Tạ Thị Trung Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/6/2020	18.000.000	18.000.000
Cộng			60.000.000	60.000.000

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 02/6/2020	142.000.000	138.000.000
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02/6/2020	154.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/3/2023	48.804.000	146.412.000
Ông Phạm Vinh Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/3/2023	119.355.681	-
Bà Trần Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/3/2023	113.710.400	-
Ông Lương Hải Thiện	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02/6/2020	128.900.000	129.480.000
Cộng			706.770.081	563.892.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông nắm giữ 61,68% vốn điều lệ.
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân	Cổ đông nắm giữ 25,19% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		
Cổ tức phải trả	2.757.245.000	2.549.989.000
Chi trả cổ tức	2.757.245.000	2.549.989.000
Nhận các khoản kinh phí hỗ trợ và khen thưởng	825.000.000	625.030.000
Hoàn trả các khoản kinh phí hỗ trợ và khen thưởng	21.000.000	6.000.000
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân		
Cổ tức phải trả	1.125.918.500	1.041.285.700
Chi trả cổ tức	1.125.918.500	1.041.285.700

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.17b.

2. Thông tin về bộ phận
Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.
3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nha Trang, ngày 14 tháng 8 năm 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 006550
Ngày 01/12/2023

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

Lương Hải Thiệp
Kế toán trưởng

Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG HUỆ - PHẠM TUẤN
CÔNG CHỨNG VIÊN

Phạm Anh Tuấn

